

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 01 - 2024

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bá Thiệp; Bà Nguyễn Thị Hề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2023 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Hồng V**, sinh năm 1983. Có mặt.

Trú tại: **Số F đường N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí C**, sinh năm 1979.

Trú tại: **Số B đường N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.** Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Nguyễn Chí P**, sinh ngày 17/10/2006.

Cháu **Nguyễn Khánh A**, sinh ngày 04/7/2020.

Đại diện theo pháp luật cho các cháu là anh **C** và chị **V**.

Người làm chứng: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1955. Trú tại: **Số B đường N, phố T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.** Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Vũ Thị Hồng V** trình bày:*

Chị V và anh Nguyễn Chí C kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Hưng Yên ngày 11/3/2005. Sau kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ anh C. Năm 2006 chị sinh cháu P được hơn 03 tháng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau vì tiền. Anh C đi lái xe thuê về không đưa tiền cho chị chi tiêu sinh hoạt mà lại đưa tiền cho mẹ anh. Năm 2012 và năm 2018 anh C hai lần mua xe ô tô chở hàng, hàng tháng chị đưa tiền cho mẹ chồng trả lãi. Đến khi bán xe anh C không bàn bạc gì với chị và đưa hết tiền bán xe cho mẹ anh. Năm 2019 chị vay mượn mở xưởng làm may. Tháng 9/2020 vợ chồng ra ở riêng tại tập thể 1/5. Từ khi mở xưởng đến cuối năm 2021 vào dịch Covid nên khó khăn chị không làm ăn được. Anh C hắt hủi chị và vứt quần áo ra đường, đuổi đi, đánh đập chị nhiều lần. Sau đó chị đã phải bán xưởng và đi làm may thuê. Tháng 4/2022 chị rời nhà ra ở xưởng may chỗ làm thuê. Tháng 6/2022 vợ chồng chị chính thức ly thân. Ngày 30/10/2023 anh C ra xưởng may đòi tiền mà anh đã cho chị vay. Chị không có khả năng cuối năm trả, anh C chửi và đánh vào mặt chị. Chị đã báo Công an phường Q làm việc với anh C về hành vi đánh chị. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C, chị xin ly hôn anh.

Theo bị đơn anh Nguyễn Chí C trình bày:

Anh chị đăng ký kết hôn như chị V đã trình bày. Sau kết hôn anh chị sống cùng bố mẹ anh. Chị V làm may thuê, còn anh lái xe ô tô. Thấy chị V làm may vất vả, anh đầu tư vốn cho chị buôn bán hoa quả được một thời gian không còn vốn, sau chị chuyển sang ghi lô đề lại thấy người ta đến tận nhà đòi tiền. Cuối năm 2018, đầu năm 2019 chị V mở xưởng may vào dịch C1 không làm được nên chị phải đi vay nợ bên ngoài trả lương cho công nhân, chủ nợ đến nhà đòi nợ. Anh bức quá có đánh đuổi chị V đi. Vợ chồng anh ra ở riêng dịp 30/4 và 1/5/2022. Sau đó chị V đã trả lại mặt bằng thuê và mang máy móc đi mở xưởng chung với hai người khác. Tháng 4/2022 vợ chồng anh ly thân. Tháng 10/2023 khi anh đòi tiền chị V thì chị nói với anh là đã sang tên xưởng cho người khác và giờ đang đi làm thuê nên không có tiền trả, chị khất lần và thách thức anh nên anh bức mới đánh chị. Ngoài ra, anh còn nghi ngờ chị V ngoại tình. Nay, chị V xin ly hôn. Anh đồng ý.

Về con chung: Chị V và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí P, sinh ngày 17/10/2006 và Nguyễn Khánh A, sinh ngày 04/7/2020. Anh C và chị V đều nhận nuôi cháu A và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu P nhận ở với anh C. Chị V đồng ý. Anh C không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi cháu P.

Về tài sản chung: Chị V và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Chí P trình bày: Trước tết năm 2022 bố mẹ vẫn ở với nhau. Sau tết cháu ở với bố và ông bà, còn mẹ mở xưởng may bố mẹ không ở với nhau nữa. Hiện nay, bố C làm ở ngoài Hải Phòng, còn mẹ V làm may tại thành phố H. Bố thỉnh thoảng mới về nhà. Em cháu đi mẫu giáo, chiều ông bà nội đón về tắm giặt cho ăn cơm, tối mẹ đón về ngủ và sáng hôm sau đưa đi lớp. Nay, bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được ở với bố C.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa: Chị **Vũ Thị Hồng V** và anh **Nguyễn Chí C** nhất trí thuận tình ly hôn. Anh chị đều nhận nuôi cháu **A** và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu **P** nhận ở với anh **C**, anh chị đều chấp nhận. Tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Quan điểm của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **V** và anh **C**. Về con chung: Giao cháu **A** cho chị **V** nuôi dưỡng. Chấp nhận sự thỏa thuận của hai anh chị để cháu **P** cho anh **C** nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị **V** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị **Vũ Thị Hồng V** yêu cầu giải quyết ly hôn với anh **Nguyễn Chí C** có hộ khẩu thường trú: **Số B đường P, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị Hồng V** và anh **Nguyễn Chí C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND phường Q, thị xã H** (nay là thành **thành phố H**), **tỉnh Hưng Yên** ngày 11/03/2005, như vậy hôn nhân giữa chị **V** và anh **C** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **V**: Chị **V**, anh **C** đều khẳng định trong cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và đỉnh điểm là cuối năm 2019 chị **V** mở xưởng may vào dịch **C1** không làm được bị thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều người. Anh **C** có đánh đuổi chị **V** ra khỏi nhà. Tháng 4/2022 vợ chồng sống ly

thân, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị **V** và anh **C** đều xác định không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị **V** xin ly hôn, anh **C** đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị.

[2.3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là **Nguyễn Chí P**, sinh ngày 17/10/2006 và **Nguyễn Khánh A**, sinh ngày 04/7/2020. Chị **V** và anh **C** đều nhận nuôi cháu **A**. Hội đồng xét xử thấy: Hiện tại anh **C** đang làm tại Hải Phòng, anh chủ yếu đi lại giữa Hải Phòng và Hải Dương, không có nhiều thời gian để chăm sóc cháu **A**. Bản thân anh cũng thừa nhận “nếu anh được nuôi cháu **A** thì anh sẽ để cháu lại cho bố mẹ anh chăm sóc, nếu cần thiết anh sẽ mang cháu ra Hải Dương ăn ở đó cùng anh”. Trong khi đó, chị **V** làm may tại **thành phố H**, cháu **A** đang theo học mẫu giáo trường Mầm non 19/5 gần xưởng may của chị **V** làm. Chị **V** sẽ có thời gian chăm sóc cháu hơn anh. Mặt khác cháu **A** là con gái, còn nhỏ vẫn cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu **A** cho chị **V** nuôi dưỡng là phù hợp và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu hiện nay. Cháu **P** có nguyện vọng ở với anh **C**. Hai anh chị đều nhất trí. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh chị giao cháu **P** cho anh **C** nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.4] Về tài sản chung: Chị **V** và anh **C** tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **Vũ Thị Hồng V** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Vũ Thị Hồng V** và anh **Nguyễn chí C2**.

[2]. Về con chung:

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh chị: anh **Nguyễn Chí C** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Chí P**, sinh ngày 17/10/2006 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Giao cháu **Nguyễn Khánh A**, sinh ngày 04/7/2020 cho chị **Vũ Thị Hồng V** nuôi dưỡng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị **Vũ Thị Hồng V** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0000272 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị **V** đã nộp đủ án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị **V** và anh **C** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận.

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng kiểm tra án Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Anh

Nơi nhận.

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng nghiệp vụ & THA,
Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường Hiến Nam, Tp Hưng Yên;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Anh